

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 10- TÂY NINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 328/2025/DS-ST

Ngày: 23- 9- 2025

V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi
và vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10- TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Phong;

2. Ông Võ Xuân Phong;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tuyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10- Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Lâm Thuý Vi** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10- Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2025/TLST– DS ngày 04 tháng 7 năm 2025 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng góp hụi và vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 325A/2025/QĐXXST-**DS** ngày 20/8/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1953; địa chỉ: Số B, khu phố D, phường L, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị Kiều N, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ D, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (Theo văn bản ủy quyền ngày 11-6-2025); vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Thanh H, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1960; cùng địa chỉ: Số A, hẻm A, đường N, phường H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng ông Phạm Thanh H và bà Nguyễn Thị T1 có mua đất của gia đình bà T nên lâu dần bà T và vợ chồng ông H quen biết nhau. Bà T có cho vợ chồng ông H, bà T1 vay tiền và tham gia hợp đồng góp hụi do bà T làm chủ thảo, cụ thể:

Đối với hợp đồng góp hụi:

- Dây hụi khai ngày 02/11/2019 dương lịch (viết tắt là DL) vợ chồng ông H tham gia dây hụi 10.000.000 đồng/1 tháng gồm 24 phần. Vợ chồng ông H kêu đầu 2.200.000 đồng hốt được 174.400.000 đồng sau khi đã trừ cò 5.000.000 đồng. Vợ chồng ông H đóng hụi chết được 21 kỳ còn nợ lại 2 kỳ hụi chết là 20.000.000 đồng.

- Dây hụi khai ngày 07/05/2020 DL vợ chồng ông H tham gia dây hụi 10.000.000 đồng/1 tháng gồm 24 phần. Vợ chồng ông H kêu đầu 2.200.000 đồng hốt được 174.400.000 đồng sau khi đã trừ cò 5.000.000 đồng. Vợ chồng ông H đóng hụi chết được 15 kỳ còn nợ lại 8 kỳ hụi chết là 80.000.000 đồng.

- Dây hụi khai ngày 11/09/2020 DL vợ chồng ông H tham gia dây hụi 10.000.000 đồng/1 tháng gồm 24 phần. Vợ chồng ông H kêu đầu 2.100.000 đồng hốt được 176.700.000 đồng sau khi đã trừ cò 5.000.000 đồng. Vợ chồng ông H đóng hụi chết được 10 kỳ còn nợ lại 13 kỳ hụi chết là 130.000.000 đồng.

- Ngày 03/08/2021 âm lịch (viết tắt là AL), (tức ngày 09/09/2021 DL) tiền hụi của dây hụi cũ trước đó nhưng vợ chồng ông H còn nợ là 5.600.000 đồng.

Tổng số tiền hụi chết vợ chồng ông H, bà T1 nợ là 235.600.000 đồng.

Đối với hợp đồng vay:

- Ngày 06/07/2021 AL (tức A) vợ chồng ông H mượn bà T số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

- Ngày 15/07/2021 AL (tức B) vợ chồng ông H mượn bà T thêm số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

- Ngày 24/07/2021 AL (tức C) vợ chồng ông H mượn bà T thêm số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Tổng 3 đợt mượn tiền là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Đến ngày 30/03/2023 DL (09/02/2023 nhuận AL) bà T cùng vợ chồng ông Phạm Thanh H, bà Nguyễn Thị T1 chốt lại số tiền vợ chồng ông H, bà T1 còn nợ bà T là 675.600.000 đồng gồm tiền nợ hụi là 235.600.000 đồng, nợ vay 350.000.000 đồng, nợ lãi của năm 2021 là 48.000.000 đồng, nợ lãi của năm 2022 là 42.000.000 đồng. Bà T có ghi riêng cho vợ chồng ông H 01 giấy tính tiền nợ mang về, vợ chồng ông H, bà T1 xem xong thống nhất và ký tên vào sổ của bà T. Vợ chồng ông H hẹn sẽ thanh toán cho bà T trong thời gian cuối năm 2023, lúc này bà T tính lãi (3.000.000 đồng/tháng) cho vợ chồng ông trong số tiền mượn 350.000.000 đồng, tức lãi suất gần 1%/tháng.

Năm 2023, vợ chồng ông H trả cho bà T được số tiền 70.000.000 đồng, trong đó trả tiền lãi là 36.000.000 đồng của số tiền vợ chồng ông H mượn, còn lại 34.000.000 đồng là tiền hụi chết vợ chồng ông đóng cho bà T. Vợ chồng ông hẹn thêm 1 năm nữa sẽ trả hết số tiền còn lại.

Năm 2024, vợ chồng ông H trả cho bà T được 50.000.000 đồng, trong đó, tiền lãi là 36.000.000 đồng của số tiền vợ chồng ông H mượn, còn lại 14.000.000 đồng là tiền hụi chết vợ chồng ông đóng cho bà T.

Từ 01/01/2025 đến nay vợ chồng ông H, bà T1 không đóng tiền lãi và cũng không trả tiền hụi chết cho bà T theo đúng lời hứa. Nên hiện nay vợ chồng ông H vẫn còn nợ bà T số tiền vay nợ gốc là 350.000.000 đồng; tiền hụi 207.600.000 đồng, và 2 năm tiền lãi: Lãi năm 2021 vợ chồng ông H còn nợ bà T 8 tháng 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng); Lãi năm 2022 vợ chồng ông H còn nợ bà T 12 tháng 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng). Tổng 2 năm tiền nợ lãi là 70.000.000 đồng (Bảy chục triệu đồng). Số tiền vợ chồng ông H bà T1 còn nợ bà T hiện nay là 627.600.000 đồng (Sáu trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng). Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu ông H, bà T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T tổng số tiền nợ là 627.600.000 đồng, trong đó, tiền hụi gốc còn nợ là 207.600.000 đồng; tiền vay gốc là 350.000.000 đồng, tiền nợ lãi của năm 2021, năm 2022 là 70.000.000 đồng.

Bị đơn- ông Phạm Thanh H, bà Nguyễn Thị T1 đã được Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ từ sau khi thụ lý vụ án, nhưng ông H, bà T1 vắng mặt không đến tòa để trình bày ý kiến cũng như không tham gia phiên họp, phiên hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Tây Ninh phát biểu quan điểm về vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình .

+ Về nội dung: Đề nghị căn cứ vào Điều 463, 466, 470; 471 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 24 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biếu, phường của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T. Buộc ông H, bà T1 liên đới trả cho bà T số tiền nợ gốc là tổng số tiền nợ là 627.600.000 đồng, trong đó, tiền hụi gốc còn nợ là 207.600.000 đồng; tiền vay gốc là 350.000.000 đồng, tiền nợ lãi của năm 2021, năm 2022 là 70.000.000 đồng. Ghi nhận bà T không yêu cầu trả lãi. Án phí dân sự sơ thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà T có yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui và vay tài sản” với ông H, bà T1 cư trú tại Số A, hẻm A, đường N, phường H, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10- Tây Ninh theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà N- đại diện theo uỷ quyền của bà T có đơn yêu cầu tòa án giải quyết vắng mặt. Ông H, bà T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Bà T có cho vợ chồng ông H, bà T1 vay tiền và tham gia hợp đồng góp hui do bà T làm chủ thảo nhiều dây hui, sau khi hốt hui thì ông H, bà T1 vi phạm nghĩa vụ đóng hui của nhiều dây hui cũng như sau khi vay tiền thì ông H, bà T1 vi phạm nghĩa vụ trả lãi và gốc. Đến ngày 30/03/2023 DL (09/02/2023 nhuận AL) bà T cùng vợ chồng ông Phạm Thanh H, bà Nguyễn Thị T1 có chốt lại số nợ mà ông H, bà T1 còn nợ bà T là 675.600.000 đồng gồm tiền nợ hui là 235.600.000 đồng, nợ vay 350.000.000 đồng, nợ lãi của năm 2021 là 48.000.000 đồng, nợ lãi của năm 2022 là 42.000.000 đồng, có chữ ký xác nhận của ông H, bà T. Sau đó, ông H, bà T có trả được lãi và gốc cho bà T, cụ thể: 48.000.000 đồng tiền hui, 72.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay.

Từ 01/01/2025 đến nay ông H, bà T1 không đóng tiền lãi và cũng không trả tiền hui chết cho bà T theo đúng hẹn. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu ông H, bà T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T tổng số tiền nợ là 627.600.000 đồng, trong đó, tiền hui gốc còn nợ là 207.600.000 đồng; tiền vay gốc là 350.000.000 đồng tiền nợ lãi của năm 2021, năm 2022 là 70.000.000 đồng. Xét bị đơn ông H, bà T1 được tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, không phản bác lời trình bày của nguyên đơn nên chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Do đó, việc bà T khởi kiện yêu cầu ông H, bà T1 trả số tiền nợ gốc là tổng số tiền nợ là 627.600.000 đồng, trong đó, tiền hui gốc còn nợ là 207.600.000 đồng; tiền vay gốc là 350.000.000 đồng tiền nợ lãi của năm 2021, năm 2022 là 70.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông H, bà T1 trả tiền lãi.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H, bà T1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 20.000.000 đồng + {4% x (627.600.000 đồng – 400.000.000 đồng)} = 29.104.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 470; 471 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 24 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hui, họ, biên,

phường của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh T đối với ông Phạm Thanh H, bà Nguyễn Thị T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản”.

Buộc ông Phạm Thanh H, bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Thanh T tổng số tiền nợ gốc là 627.600.000 đồng, gồm tiền hụi gốc là 207.600.000 đồng; tiền vay gốc là 350.000.000 đồng; tiền nợ lãi là 70.000.000 đồng. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông H, bà T1 trả tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H, bà T1 phải liên đới chịu 29.104.000 đồng.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng NV- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV10-Tây Ninh;
- Chi cục THADS KV10 - Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Lan